Phụ lục

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN, TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 29 /9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

1. Thủ tục hành chính: Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng (Mã TTHC: 1.001776)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

1.1.1. Bãi bỏ yêu cầu "Xác nhận của UBND cấp xã" tại mẫu tờ khai kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, cụ thể:

- Tờ khai của đối tượng theo Mẫu số 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

- Tờ khai hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng theo Mẫu số 2a ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

- Tờ khai nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội theo Mẫu số 2b ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

- Tờ khai của đối tượng được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trong trường hợp đối tượng không hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

Lý do: Trong tờ khai đã yêu cầu người kê khai chịu trách nhiệm đối với nội dung kê khai. Mặt khác khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ giải quyết đã phải thực hiện việc rà soát hồ sơ và thực hiện việc niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở UBND cấp xã. Do đó việc bãi bỏ yêu cầu "Xác nhận của UBND cấp xã" tại mẫu tờ khai là có cơ sở, giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.

1.1.2. Cắt giảm thời gian thực hiện: từ 22 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

Lý do: Việc xem xét giải quyết TTHC không phức tạp, đồng thời hiện nay, do áp dụng công nghệ thông tin trong việc lưu trữ dữ liệu có liên quan nên việc tra cứu thông tin thực hiện TTHC được thực hiện nhanh chóng và dễ dàng. Do đó, việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục xuống còn 15 ngày làm việc là phù hợp với thực tế.

1.2. Kiến nghị thực thi

1.2.1. Bãi bỏ nội dung "Xác nhận của UBND cấp xã" tại mẫu tờ khai kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, gồm:

- Tờ khai của đối tượng theo Mẫu số 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP .

- Tờ khai hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng theo Mẫu số 2a ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ;

- Tờ khai nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội theo Mẫu số 2b ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ;

- Tờ khai của đối tượng được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trong trường hợp đối tượng không hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

1.2.2. Sửa đổi, bổ sung các điểm b, c, d khoản 1 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định tổng thời hạn giải quyết TTHC **từ 22 ngày làm việc** giảm xuống còn **15 ngày làm việc**, cụ thể như sau:

*"b) Trong thời hạn **04 ngày** làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, công chức phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm rà soát hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc xem xét, quyết định việc xét duyệt, thực hiện việc niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 02 ngày làm việc, trừ những thông tin liên quan đến HIV/AIDS của đối tượng.*

Trường hợp có khiếu nại, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xem xét, kết luận, công khai nội dung khiếu nại.

*c) Trong thời hạn **01 ngày** làm việc, kể từ ngày hồ sơ được xét duyệt và không có khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ của đối tượng gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.*

*d) Trong thời hạn **05 ngày** làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng cho đối tượng. Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do."*

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.506.400 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.553.600 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.952.800 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,6 %.